Unit 1 Kỹ thuật xác định từ khóa (Keywords)

Dưới áp lực xử lý thông tin để trả lời 40 câu hỏi của 3 bài đọc IELTS (khoảng 2400-2700 từ) trong thời gian 60 phút, tốc độ của việc xác định vị trí các thông tin trong bài đọc sẽ quyết định tốc độ làm bài của thí sinh. Một kỹ thuật để tăng tốc xác định thông tin trong bài đọc là thông qua việc xác định từ khóa liên quan đến thông tin đó, từ đó thí sinh có thể định vị được vị trí thông tin cần sử dụng để trả lời câu hỏi nhanh hơn.

1. Từ khoá là gì?

Từ khóa là những từ mang nội dung chính của câu.

Ví dụ

Dựa vào những từ dưới đây, đoán câu đầy đủ:

Sir Alexander Fleming/ talented/ scientist/ 20th century

Câu đầy đủ:.....

→ *Đáp án:* Sir Alexander Fleming was very talented, and he was a famous scientist in the 20th century.

Tuy nhiên, không phải tất cả các từ khóa trong câu đều có vai trò như nhau trong việc giúp người đọc đẩy nhanh tốc độ tìm thông tin cần thiết trong bài đọc.
Từ khóa được chia làm 3 loại, được phân loại theo mức độ hữu dụng trong việc tìm thông tin cần thiết trong bài đọc.

LIVEWORKSHEETS

Từ khóa được chia thành ba loại:

• **Từ khóa khó thay thế**: bao gồm các **tên riêng, con số** nổi bật, hầu như không bao giờ bị thay thế trong bài đọc → Ưu tiên sử dụng loại từ khóa này để tìm kiếm thông tin.

• **Từ khóa dễ thay thế**: bao gồm các **danh từ** và có thể bị thay thế bằng cách diễn đạt khác trong bài đọc → Sử dụng loại từ khóa này để tìm kiếm thông tin khi đề bài không chứa **Từ khóa khó thay thế.**

• **Từ khóa chìm**: bao gồm các **động từ, tính từ**, hoặc **chủ đề của bài đọc**. Động từ và tính từ trong hầu hết các trường hợp sẽ bị thay thế bằng từ đồng nghĩa hoặc cách diễn đạt khác trong bài đọc. Chủ đề của bài đọc sẽ được lặp lại nhiều lần nên không có nhiều giá trị trong việc xác định thông tin cần thiết → Sử dụng loại từ khóa này để hiểu nội dung chính của đề bài. Chỉ dùng để tìm kiếm thông tin khi đề bài không chứa 2 loại từ khóa trên, hoặc khi không xác định được cách diễn đạt thay thế cho 2 loại từ khóa trên trong bài đọc.

Thứ tự ưu tiên sử dụng từ khóa để xác định thông tin cần thiết: Từ khóa khó thay thế → Từ khóa dễ thay thế → Từ khóa chìm.

Trong trường hợp đề bài không chứa Từ khóa khó thay thế, thí sinh cần sử dụng 2 loại từ khóa còn lại để xác định trông tin cần thiết trong bài đọc.

Ví dụ 1

Dựa vào nguyên tắc trên, tìm và gạch chân những từ khóa trong các câu dưới đây về Sir Alexander Fleming:

In 1945, Fleming received recognition for his work on the discovery of penicillin.

In **1945**, Fleming received **recognition for his work** on the **discovery of penicillin**.

Con số nổi bật trong bài

Cụm động từ dễ bị thay thế

Cụm danh từ khó bị thay thế

Lưu ý: Fleming là từ chủ đề - được lặp lại nhiều lần trong bài

In **1945**, Fleming received **recognition for his work** on the **discovery of penicillin**.

Từ khóa khó thay thế – dễ tìm

LIVEWORKSHEETS

Sau khi xác định được các từ khóa ưu tiên trong câu hỏi trên, nhanh chóng khoanh vùng được thông tin của câu trong đoạn văn dưới đây:

Sir Alexander Fleming is a Scottish bacteriologist best known for his discovery of penicillin. Fleming had a genius for technical ingenuity and original observation. His work on wound infection and lysozyme, an antibacterial enzyme found in tears and saliva, guaranteed him a place in the history of bacteriology. But it was his discovery of penicillin in 1928, which started the antibiotic revolution that sealed his lasting reputation. **Fleming was recognized for that achievement in 1945, when he received the Nobel Prize for Physiology or Medicine**, along with Australian pathologist Howard Walter Florey and German-born British biochemist Ernst Boris Chain, both of whom isolated and purified penicillin.

Ví dụ 2

1. An **uncle** **financially supported** Fleming's study in a **medical school**.

- **uncle** → Danh từ khó bị thay thế
- **financially supported** → Cụm động từ thường bị thay thế
- **medical school** → Cụm danh từ có thể bị thay thế

2. **After** his **success** at **university**, Fleming's **initial job** was a **surgeon**.

- **initial job** → Cụm danh từ có thể bị thay thế
- **surgeon** → Danh từ chỉ nghề nghiệp khó bị thay thế

LIVEWORKSHEETS

Sau khi xác định được các từ khóa ưu tiên trong câu hỏi trên, ta nhanh chóng khoanh vùng được thông tin của câu trong đoạn văn dưới đây:

After working as a London shipping clerk, Fleming began his medical studies at St. Mary's Hospital Medical School in 1901, funded by a scholarship and legacy from his uncle (1). There he won the 1908 gold medal as top medical student at the University of London. **At first, he planned to become a surgeon (2),** but a temporary position in the laboratories of the Inoculation Department at St. Mary's Hospital convinced him that his future lay in the new field of bacteriology. There he came under the influence of bacteriologist and immunologist Sir Almroth Edward Wright, whose ideas of vaccine therapy seemed to offer a revolutionary direction in medical treatment.

LIVEWORKSHEETS

Luyện tập

Bài 1: *Xác định các loại từ khóa được gạch chân ở các câu dưới đây và giải thích lý do.*

1. **Climate change (a)** is now the **major reason (b)** why **many species (c)** become **extinct (d)**.
2. Some **marine creatures (a)** have **found (b)** **new places (c)** to live.
3. Some **technological applications (a)** can **help (b)** people **observe (c)** **Uranus (d)**.
4. It took **Hans Lippershey (a)** **five years (b)** to **devise (c)** his **first telescope (d)**.

Bài 2: *Gạch chân các từ khóa và xác định loại từ khóa ở những câu dưới đây (trích từ bài đọc Depression).*

1. Whalley found that depression directly leads to having a bad memory.
2. Genetic risk acted as a prediction of depression.
3. Depression contributes to most differences in brain structure.
4. Neglected parts in the brain can still maintain their functions.

Bài 3: *Gạch chân từ khóa trong các câu dưới đây.*

1. The ceremony of Lupercalia was held in the second month of the year.
2. The ancient Roman originally celebrated Lupercalia by offering some animals.
3. During the ancient festival, the skins of newly killed goats were thought to bring pregnant women healthy babies.
4. The celebration of St. Valentine was quieter than the ceremony for Lupercalia.

Bài 4: *Đối chiếu nghĩa tương ứng của các câu trên và nối với câu trong đoạn trích sau.*

Many scholars have deconstructed Valentine and his day in books, articles and blog postings **(a)**. Some suggest that the modern holiday is a Christian cover-up of the more ancient Roman celebration of Lupercalia in mid-February **(b)**. Lupercalia originated as a ceremony in a rural area involving the sacrifice of goats and dogs and evolved later into an urban festival **(c)**. During the festivities half-naked young men ran through the streets of Rome, streaking people with thongs cut from the skins of newly killed goats **(d)**. Pregnant women thought it brought them healthy babies **(e)**. In 496 A.D., however, Pope Gelasius

LIVEWORKSHEETS

supposedly denounced the disorderly festival **(f)**. Still, there is no evidence that the pope purposely replaced Lupercalia with the calmer ceremony for the sacrificed St. Valentine or any other Christian celebration **(g)**.

Bài 5: *Gạch chân từ khóa trong các câu dưới đây, đối chiếu với nội dung trong bài. Nếu thông tin trong câu hỏi giống với nội dung trong bài ghi* ***True****. Nếu thông tin trong câu hỏi khác với nội dung trong bài ghi* ***False****.*

1. Aircraft and ships mysteriously vanished when travelling through some areas of the Bermuda Triangle.
2. There were many fictional explanations for the Bermuda Triangle.
3. Mysterious incidents happened more often in the Bermuda Triangle than in other parts of the ocean.

The Bermuda Triangle is a mythical section of the Atlantic Ocean roughly bounded by Miami, Bermuda and Puerto Rico where dozens of ships and airplanes have disappeared. Unexplained circumstances surround some of these accidents, including one in which the pilots of a squadron of U.S. Navy bombers became disoriented while flying over the area; the planes were never found. Other boats and planes have seemingly vanished from the area in good weather without even radioing distress messages. But although myriad fanciful theories have been proposed regarding the Bermuda Triangle, none of them prove that mysterious disappearances occur more frequently there than in other well-travelled sections of the ocean. In fact, people navigate the area every day without incident.

LIVEWORKSHEETS